

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST  
Ngày: 11-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Thanh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quốc Thịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm ĐHuệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:*** Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11-11-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 02-10-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS, ngày 15-10-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/HSST-QĐ ngày 29-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil đối với các bị cáo:

**1. Nông Ch,** sinh năm 1984; tại tỉnh: C; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Trung Th (đã chết) và bà: Đàm ĐL, sinh năm 1949; có vợ: Nông ĐT, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18-4-2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số: 14/2013/HSST; ngày 12-5-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số: 17/2015/HSST; bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ của cả hai bản án nêu trên. Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt khẩn cấp ngày 05-6-2020 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắc Mil – Có mặt.

**2. Trần Văn H,** tên gọi khác: S, sinh năm 1980, tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Trần Văn S, sinh năm 1962 và bà: Chu ĐKh, sinh năm 1961; có vợ: Lăng ĐH, sinh năm 1980 và 02 người con lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án về tội “*Hủy hoại rừng*” và 03 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”; nhân thân: Ngày 11-4-2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số 41/2008/HSST; ngày 13-4-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 26/2012/HSST; ngày 05-3-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 09/2014/HSST; ngày 22-11-2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 37/2017/HSST; bị cáo chưa được xóa án tích. Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt khẩn cấp ngày 05-6-2020 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil –Có mặt.

**3. Hoàng Trung N**, tên gọi khác: B; sinh năm 1995, tại tỉnh N; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn K (đã chết) và bà: Phạm ĐThanh Tr, sinh năm 1966; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 29-11-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án số 70/2016/HSST. Ngày 17-01-2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại quyết định số 01/2018/QĐ – TA; biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt khẩn cấp ngày 05-6-2020 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil –Có mặt.

**4. Bé Xuân Q**, sinh năm 1988, tại tỉnh L; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bé Văn Kh (đã chết) và bà: Nông ĐR, sinh năm 1963; vợ là Nông ĐX, sinh năm 1989 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 22-11-2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 37/2017/HSST, bị cáo chưa thực hiện các nghĩa vụ của bản án. Ngày 10-01-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 08/2019/QĐ -TA; biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị bắt

khẩn cấp ngày 05/6/2020 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil – Có mặt.

**5. Người bị hại:**

5.1. Bà Lý Xuân D, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

5.2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1971 – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 19 giờ ngày 18-3-2020, Trần Văn H, Bé Xuân Q đến nhà Nông Ch chơi thì Nông Ch rủ đi trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì H và Q đồng ý cùng đi, khi đi Ch đem theo 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ. Khoảng 21 giờ 25 phút cùng ngày, cả nhóm đi đến khu vực rẫy cà phê của gia đình chị Lý Xuân D thấy không có người trông coi, Ch đi lại giếng kV thấy phía dưới có 01 máy bơm điện, thấy phía trên miệng giếng có khóa nên Ch dùng đá đập gãy móc khóa cùng Q, H dùng tay kéo máy bơm, dây điện, dây cáp, ống nước nhựa từ dưới giếng lên khỏi miệng giếng Ch dùng dao chặt đầu nối ống nước nhựa kéo ra khỏi đầu máy bơm rồi vác máy bơm điện chìm - hỏa tiễn loại GLX 553/10 - 22, công suất 5.5HP, Q vác cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét và cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét đem về nhà Ch cất giấu. Khoảng 01 tháng sau, Ch điều khiển xe mô tô Honda Dream (xe không rõ biển số của Ch) chở máy bơm điện chìm - hỏa tiễn loại GLX 553/10 - 22, công suất 5.5HP đi bán cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 1.000.000 đồng Ch mua ma túy chia cho Q cùng sử dụng. 01 cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét; 01 cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét cất giấu tại nhà Ch đã bị mất.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 11 giờ ngày 25-5-2020, do cần tiền tiêu xài Hoàng Trung N rủ Trần Văn H đi tìm tài sản để trộm cắp thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô Honda Dream (xe không rõ biển số của H) chở N đi dọc theo các khu vực nương rẫy cà phê xã L-S tìm tài sản của người dân để trộm cắp. Khi đi đến thôn T-S, xã L-S, huyện Đắk Mil phát hiện chòi rẫy của anh Hoàng Văn Đ không có người nên H dừng xe bên ngoài đứng canh giới, N đi vào thấy cửa chòi khóa ngoài nên dùng xà beng (không rõ kích thước) lấy phía sau chòi rẫy cạy khóa đi vào bên trong lấy được 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY - 33, 01 máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất 1.5HP mang ra bên ngoài để lên xe máy, H chở N cùng tài sản trộm cắp về cất giấu tại một vực bụi cây ven đường

thuộc thôn 9, xã Đăk R'la, huyện Đăk Mil. N đem máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất 1.5HP bán cho người phụ nữ thu mua phế liệu gặp trên đường (chưa xác định được nhân thân lai lịch) được 300.000 đồng. Sau đó, N tìm gặp Ch trao đổi lại nội dung sự việc trộm cắp cho Ch biết đồng thời nhờ Ch tìm người mua lại chiếc máy cắt cỏ thì được Ch cho biết anh V đang cần mua. N chở Ch đi đến nơi cất giấu lấy máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY - 33 đem đến cho anh V được 1.000.000 đồng, N chia cho Ch 200.000 đồng, H 500.000 đồng; số tiền trên N, Ch và H đã tiêu xài hết.

Ngày 05-6-2020, hành vi của Ch, H, N và Q bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐăkMil phát hiện và bắt khẩn cấp để điều tra theo quy định pháp luật.

Kết luận định giá tài sản số 27/HĐĐGTS ngày 11-6-2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY - 33 có giá trị 1.750.000 đồng; 01 máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất: 1.5 HP có giá trị 1.135.800 đồng; 01 máy bơm chìm - hỏa tiễn loại GLX/10 - 22, công suất: 5.5 HP có giá trị 4.035.000 đồng; cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét có giá trị 1.002.700 đồng; cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét có giá trị 679.300 đồng. Tổng giá trị là 8.602.800 đồng.

Bản cáo trạng số 47/CTr – VKS ngày 02-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil truy tố bị cáo Ch về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo N, Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Ch, H, N và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ch về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo N, Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ch mức án từ 09 tháng đến 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” và mức án từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của

Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Q mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo H và H cùng gia đình bị cáo N và N đã bồi thường cho người bị hại anh Đ số tiền 1.000.000 đồng, anh Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bị hại bà D yêu cầu các bị cáo Ch, H và Q bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh V yêu cầu bị cáo N và H bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Ch đồng ý bồi thường cho bà D 8.000.000 đồng; các bị cáo N và H đồng ý liên đới bồi thường cho anh V 1.000.000 đồng, việc bồi thường là có căn cứ và phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đã thu giữ và trả lại 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY – 33 cho anh Hoàng Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với con dao dài khoảng 30 cm (*theo lời khai*) do Ch sử dụng và chiếc Xà Beng (*không rõ kích thước*) do N sử dụng sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã vứt bỏ nhưng không nhớ địa điểm nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil không H hành thu giữ được. Đối với cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét và cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét sau khi các bị cáo trộm cắp đem giấu tại nhà Ch nhưng sau đó đã bị mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil không tiến hành thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của H, chiếc xe Dream không rõ biển số của Ch và máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất 1.5HP do N trộm cắp mang đi bán đều đã bán, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch của những người mua nên không thu giữ được

Người bị hại, anh Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại, bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V có ý kiến tranh luận: về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự bà D đồng ý việc một mình bị cáo Ch tự nguyện bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; anh V đồng ý để bị cáo N và bị cáo H liên đới bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (cụ thể bị cáo N bồi thường 500.000 đồng, bị cáo H bồi thường 500.000 đồng).

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Ch, H, N và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Ch, H, N và Q đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 21 giờ 25 phút, ngày 18-3-2020 tại thôn tại thôn 5, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của gia đình chị D, các bị cáo Ch, H và Q đã lén lút trộm cắp 01 máy bơm chìm – hỏa tiễn loại GLX/10 – 22, công suất: 5.5 HP có giá trị 4.035.000 đồng; cuộn dây điện loại 3 pha 3.6 dài 80 mét có giá trị 1.002.700 đồng; cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét có giá trị 679.300 đồng. Tổng giá trị là 5.717.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng*).

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 11 giờ 25 phút, ngày 25-5-2020 tại thôn T-S, xã L-S, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông các bị cáo H và N lợi dụng sơ hở trong việc trông

coi tài sản của gia đình anh Đ đã lên lút trộm cắp 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY - 33 có giá trị 1.750.000 đồng; 01 máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất: 1.5 HP có giá trị 1.135.800 đồng, tổng giá trị là 2.885.800 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng*). Khoảng 14 giờ cùng ngày, N nói cho Ch biết việc trộm cắp tài sản nêu trên và nhờ Ch tìm và bán máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY - 33 đem đến cho anh V.

Như vậy, bị cáo Ch đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 5.717.000 đồng và thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do N và H đã trộm cắp có giá trị là 1.750.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 2.885.800 đồng; bị cáo H thực hiện 02 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 8.602.800 đồng, thuộc trường hợp đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Ch phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự, các bị cáo N, Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

#### **Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng gây N quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp say đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*g) Tái phạm nguy hiểm;”*

#### **Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản, biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

[4]. Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nên phải chịu chung hậu quả. Tuy nhiên, tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo khác nhau nên cần có sự phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Đối với vụ thứ nhất, bị cáo Ch là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đồng thời bị cáo cũng là người thực hành tích cực nhất, các bị cáo Q và H cùng tham gia với vai trò là người thực hành nên vai trò hạn chế hơn bị cáo Ch. Trong vụ thứ hai, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo N. Do đó, căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò và các lần thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao nhất, lần lượt đến bị cáo Ch, bị cáo Q; xử phạt bị cáo N mức hình phạt thấp nhất là phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Ch, N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo H tham gia 02 vụ trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“phạm tội 02 lần trở lên”* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q thuộc trường hợp chưa được xoá án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“tái phạm”* theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Ch, N, H và Q đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Ch có bố là người có công với cách mạng (bố của bị cáo là ông Nông Trung Th thuộc đối tượng bệnh binh), cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với bị cáo N tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Đ, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.



Bị cáo H đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Đ, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Q, tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, cụ thể:

Bị cáo Ch: Ngày 18-4-2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số: 14/2013/HSST; ngày 12-5-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số: 17/2015/HSST; bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ của cả hai bản án nêu trên

Bị cáo H: Ngày 11-4-2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, tại bản án số 41/2008/HSST; ngày 13-4-2012 bị bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 26/2012/HSST; ngày 05-3-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 09/2014/HSST; ngày 22-11-2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 37/2017/HSST; bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo N: Ngày 29-11-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án số 70/2016/HSST. Ngày 17-01-2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại quyết định số 01/2018/QĐ – TA.

Bị cáo Q: Ngày 22-11-2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 37/2017/HSST, bị cáo chưa thực hiện các nghĩa vụ của bản án (án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 300.000 đồng và bồi thường dân sự 2.000.000 đồng). Ngày 10-01-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 08/2019/QĐ – TA.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo H và H cùng gia đình bị cáo N và N đã bồi thường cho người bị hại anh Đ số tiền 1.000.000 đồng, anh Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bà D đồng ý việc một mình bị cáo Ch tự nguyện bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; anh V đồng ý để bị cáo N và bị cáo H liên đới bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Việc các bị cáo tự nguyện bồi thường, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã thu giữ và trả lại 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY – 33 cho anh Đ là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng gồm: con dao dài khoảng 30 cm (*theo lời khai*) do Ch sử dụng và chiếc Xà Beng (*không rõ kích thước*) do N sử dụng sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã vứt bỏ nhưng không nhớ địa điểm; cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét và cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét sau khi các bị cáo trộm cắp đem giấu tại nhà Ch nhưng sau đó đã bị mất, các vật chứng này Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhưng không thu giữ được.

Đối với những người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của H, chiếc xe Dream không rõ biển số của Ch và máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất 1.5HP do N trộm cắp nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10]. Đối với anh V đã mua 01 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY – 33 nhưng không biết là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

[11]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[12]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nông Ch, Trần Văn H, Bế Xuân Q và Hoàng Trung N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nông Ch phải chịu 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn H và Hoàng Trung N mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh và hình phạt:**

1.1. Tuyên bố bị cáo Nông Ch phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Ch 01 (*Một*) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

1.2. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Bé Xuân Q và Hoàng Trung N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bé Xuân Q 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Trung N 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05-6-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận bị cáo Nông Ch tự nguyện bồi thường cho bà Lý Xuân D số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Trung N và bị cáo Trần Văn H liên đới bồi thường cho anh V số tiền 1.000.000 đồng (trong đó bị cáo N bồi thường 500.000 đồng và bị cáo H bồi thường 500.000 đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại 1 máy cắt cỏ hiệu OYAMA Brush Gutter OY – 33 cho anh Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với các vật chứng gồm: con dao dài khoảng 30 cm (*theo lời khai*) do Ch sử dụng và chiếc Xà Beng (*không rõ kích thước*) do N sử dụng sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã vứt bỏ nhưng không nhớ địa điểm; cuộn dây điện, loại 3 pha 3.6 dài 80 mét và cuộn dây cáp loại Inox dài 80 mét sau khi các bị cáo trộm cắp đem giấu tại nhà Ch nhưng sau đó đã bị mất, không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

Đối với những người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của H, chiếc xe Dream không rõ biển số của Ch và máy bơm chìm hiệu Hồng Đức, công suất 1.5HP do N trộm cắp nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch

nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nông Ch, Trần Văn H, Bế Xuân Q và Hoàng Trung N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nông Ch phải nộp 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn H và Hoàng Trung N mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Công an huyện Đăk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đăk Mil;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT và HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Trương Ngọc Thanh**